

CHỈ QUÁN PHỤ HÀNH TRUYỀN HOÀNG QUYẾT

QUYỂN 1 (PHẦN 2)

Kế thứ tiệm trở đi, là giải thích hành tướng, trong đó nói tiệm giống như bậc thang. Nên Đại kinh quyển tám nói vì muốn hóa độ các thế gian nên các thứ chỉ bày các lớp khác nhau như bậc thang kia. Đại luận quyển bốn mươi nói: Ví như lên lầu có thang thì dễ. Quyển mười tám nói: Ví như lên thang phải từ bậc đầu tiên rồi dần dần lên cao, cao cách mấy cũng đến được, nên dùng để ví Tiệm. Như bắt đầu từ trời người rồi cuối cùng đến thật tướng. Báu, kim cương Đại kinh quyển hai mươi nói: Như báu kim cương để dưới ánh sáng mặt trời thì màu sắc không nhất định. Tam-muội Kim cương cũng giống như thế, như ở giữa đại chúng thì màu sắc bất định. Đại luận quyển ba mươi nói: Như châu pha lê tùy màu sắc ở phía trước mà đổi, tự nó màu sắc không nhất định. Các pháp cũng giống như thế. Hoặc thường hay vô thường. Kinh lấy một hạnh mà tùy các hạnh, luận lấy một lý mà ứng với các lý, lý hạnh tuy khác mà đồng gọi là bất định. Cho nên kim cương và châu pha lê tên tuy khác nhưng thí dụ về châu là đồng. Đại luận quyển năm mươi chín nói: Báu kim cương Đẽ-thích cầm cùng đánh nhau mà rơi xuống Diêm phù. Giải thích rằng lý hạnh như châu, giáo pháp như mặt trời, tình như các vật, quán như hiện sắc. Viên đốn, viên là viên dung, viên mãn. Đốn là đốn cực, đốn túc. Lại viên là hoàn toàn tức viên toàn không thiếu sót. Thể chẳng phải tiệm thành (thành dần dần) nên gọi là Đốn. Thể tuy cực đủ nhưng phải lấy hai mươi lăm pháp làm phương tiện trước, mười pháp thành quán mà làm chánh tu. Nay trong tựa lược nói đủ như văn sau. Như người có thần thông bay lên hư không, cận địa thì không cùng muôn nhẫn đồng thể nên nói bất nhị. Người có thần thông ví như người đốn hạnh, đặng ví như tu hành quán lý, không ví như đốn lý bất nhị vì ba căn, đây là ba chỉ quán đối căn khác nhau. Sự tuy khác

nhau nhưng đồng duyên đốn lý, lìa ngoài Viên giáo thì chẳng có căn tánh khác. Phải biết ba thứ này đều y theo viên lý, chia ra ba hạnh này gọi là ba căn tánh, Cho nên tiệm thứ khác nhau ở biệt hoặc một ngày một tháng một đời tu thì có thể tu được. Cho nên trong Huyền Văn Phán giáo thứ mười chép: Tiệm quán là từ mới phát tâm làm viên cực cho nên tu A-na-ban-na cho đến Vô tác, cho nên biết người đốn thì hạnh giải đều đốn. Người Tiệm thì giải đốn mà hạnh tiệm, chẳng nhất định giải đốn mà hạnh hoặc đốn tiệm. Có chỗ nói là biệt đều chẳng thấy văn chỉ. Kế trong giải rộng: sơ là kết trước sanh sau. Trước giải thích tiệm, nói tiệm sơ (trước) cũng biết thật tướng, nghĩa là y đốn lý mới khởi đốn giải so với người đốn kia cho nên nói cũng biết. Nương đốn mà khởi giải nên nói là nan giải (khó hiểu), nương giải mà khởi hạnh lại nói là khó hành, tiệm là dễ làm vì dễ hiểu. Văn tuy cùng nói nêu phải gồm cả hai. Vì lý khó hiểu mà khởi tiệm hạnh. Trong phen này chỉ có năm lớp, nghĩa thì mười ba. Nói năm lớp, một là qui giới, hai là thiên định, ba là vô lậu, bốn là từ bi, năm là thật tướng, nghĩa mười ba tức phen đầu có sáu, nghĩa là ba ác ba thiện, phen thứ ba có bốn, nghĩa là hai giáo thừa có sáu nghĩa trước hợp thành mười, ba thứ kia chẳng khai, hợp là mười ba. Trong mười ba thật tướng là cảnh được duyên so với đốn là đồng bất ứng số là hạn khác nhau. Cho nên ở dưới trong hỏi đáp chép: trong tiệm thứ có mười hai thứ khác nhau tức là ý này. Thứ lớp điểm xuất, đến dưới dễ biết bất định đến đốn sau, là tiệm thứ nêu tên ở bất định ở trước, cho nên nói tiệm trước. Viên đốn nêu ở văn sau bất định nên nói là đốn sau. Trong bản thứ hai nêu văn bất định ở sau tiệm đốn, tức nói bất định là y cứ tiệm đốn ở trước, hoặc tiệm hoặc đốn chẳng phải chỉ một pháp nên gọi là bất định. Nếu từ đầu đến cuối chuyên tiệm hoặc đốn thì mới gọi là tiệm đốn. Biết bất định trước cũng biết viên. Từ canh tiền canh lậu trở đi là giải thích tướng bất định. Trước sau chỉ là trước tiệm sau đốn. Hoặc khi quán đốn hoặc khi quán tiệm. Cạn sâu là y cứ năm phen trước cùng nói cạn sâu. Về sự lý, giới nội là sự, giới ngoại là lý. Chân đế tục đế ba thứ đều một, đều lại đáp đối cũng thế. Trong đây chỉ nêu bốn tất và chỉ quán. Các pháp tuy nhiều, nếu luận về hành tướng thì chẳng ngoài hai thứ này. Như sau an tâm và phá biến, v.v... cũng chẳng ngoài đây cho nên nay nêu ra. Từ hoặc chỉ trở đi là giải thích thể bất định. Văn có hai cặp: một là y cứ bốn tất. Ấm là thế giới như trước quán ấm nhập. Tức quán ấm nhập là Đệ nhất nghĩa, gọi chỉ thế giới này là Đệ nhất nghĩa. Như quán chân lý là chỉ sanh thiện diệt ác mà thôi gọi là chỉ Đệ nhất nghĩa, lấy làm hai tất. Kế y cứ chỉ quán, hoặc chánh dụng quán mà phải

dứt quán, hoặc chánh dụng chỉ mà phải chiếu chỉ. Vì chiếu chỉ nên chỉ liền thành quán, vì dứt quán nên liền thành chỉ. Hoặc tuy không (hôn trầm tán loạn) mà tiến đạo công si, phiền hoặc chẳng dứt thì chân lý chẳng mở, đều phải đổi đường hoặc dứt hoặc chiếu, nên quán thành chỗ dứt chỉ thành chỗ chiếu khác nhau với nghi thường. Cho nên nói là bất tịnh. Trong phân biệt ở dưới, bốn trong bất định là chỉ cho hai cặp này. Người nghi nói trở đi là phân biệt văn trước, trong nghi hỏi trước nói giáo cảnh, là đồng giáo Đại thừa, đồng duyên cảnh thật tướng, đồng gọi là chỉ quán, ba thứ này đã đồng vì sao ba hạnh tướng đốn là khác nhau? Kế từ nhiên trở đi là. Đáp: Trước đáp chung, nói đồng và khác nhau v.v... là hành tướng đều khác đâu ngại ba đồng, tuy nói ba đồng đâu ngại hạnh khác. Trong tiệm thứ trở đi là đáp riêng, phải gọi tiệm thứ đối nhau với bất định ở viên đốn để nói dị đồng. Nay văn chỉ giải thích, hành tướng tiệm thứ. Tiệm sau kết rằng vì sao nói bất định, là vì pháp bất định, không có thêm vị, cho nên mượn tiệm sau mà kết bất định. Trong tiệm có mười hai thứ bất đồng như phân biệt trước hai giáo hai thừa là bốn vô lậu. Mà nay chỉ nói chung ba thứ trong vô lậu là sao. Nói riêng là lia thành bốn người, nếu gọi chung vô lậu thì hợp tức ba người chỉ còn một vị. Nay nêu chung trong một hợp khai gồm ba, nên gọi là trong vô lậu gồm có ba. Nếu mất bản vị lia khai làm bốn cùng thiện ác đều ba, cho đến thiền định từ bi đều là một, cho nên thành mười hai. Nếu y theo vô lậu thì lia làm bốn riêng, từ bi cũng phải có ba khác nhau. Văn không lượng là nói từ nhiều, vì tiệm bất định mười hai khác nhau nhiều hành tướng cho nên gọi là tiệm bất định. Y cứ lý thì chẳng phải nhiều chẳng phải ít. Y cứ tướng thì đốn ít hai nhiều, trong tiệm thật tướng cho đến viên đốn, tướng ấy là đồng chẳng cần phải nói khác, cho nên chỉ kết bất đồng ở viên mà dùng để giải thích hướng đồng hay chẳng đồng, v.v... Kế từ chương này đồng Đại thừa trở đi là hỏi lại: hướng tuy nói tiệm bất định khác nhau lại hỏi lại ba phen khác nhau, cho nên hỏi rằng sao gọi là nói sai. Lại câu hỏi đầu, hứa có ba khác, đem đồng mà hỏi khác, cho nên kết văn rằng tướng đốn này khác. Ý câu hỏi sau là do trước đáp khác, đem khác mà hỏi đồng. Cho nên kết rằng vì sao gọi là nói sai. Hai câu hỏi tuy là ba đồng ở trước, mà văn ý thật dùng hai nghĩa đáp đối mà nêu. Cho nên hai đáp đều nói đồng và chẳng đồng. Lại do trong đáp trước chỉ nêu tướng tiệm để đối với đốn, còn hành tướng bất định thì nhờ tiệm mà nói. Nay muốn nói đủ ba tướng riêng, nên lại dùng ba đồng mà hỏi. Cho nên đáp dưới nêu có hai tướng. Nói chương này trong đây tên cũ là chương biện sai. Đã nói ba đồng vì

sao chương này lại nói ba thứ khác nhau. Tên chương tuy bỏ cũng có thương tổn gì. Nhưng trở đi là lại đáp, nghĩa đồng như trước. Chín khác nhau là ở mười hai trước hợp thành ba vô lậu y chung làm một, cho nên chỉ có chín, cùng bốn bất định đối đốn liền thành ba khác nhau. Lý mà nói thì trong tiệm bất định thật tướng sở duyên đồng với đốn lý, là đáp câu hỏi, cho nên đối hai mà nói đều gọi là khác nhau, cho nên nói từ nhiều. Kế tất cả trở đi là chứng đồng khác nhau, vì chứng pháp vô vi nên khác nhau mà đồng, mà có chứng khác nhau nên đồng mà khác nhau. Bởi các thánh chứng pháp vô vi, vì vô vi này mà phân biệt, nên nói khác nhau. Như các vị La-hán được tiểu vô vi còn phân biệt tiểu, nên các Bồ-tát được Đại vô vi nên phân biệt được đại. Do đó phân biệt là dụng của vô vi, cho nên lấy pháp vô vi y vào bản thứ hai mà đáp rằng trong tiệm thứ có mười hai thứ khác nhau, trong bất định có bốn chữ đồng nhau, trong chung có mười ba thứ chẳng đồng. Nếu không sửa lại bản văn thứ ba thì bản văn thứ hai do đâu mà giải, mười hai và bốn nên có mười sáu, mà nói mười ba. Bèn nêu từ khai hội số lần từ hợp. Phải biết mười hai y cứ với khai vô lậu, mười ba y cứ với hợp vô lậu, đối bất định mà nói. Hỏi: Vô lậu khai bốn, sao từ bi chẳng khai? Đáp: Khai cũng chẳng trái. Trong Huyền Tiệm quán nêu bốn từ bi, khai hợp tùy tiện chẳng thể một chuẩn (theo một). Có người chép: ba trong vô lậu chung, tức là ba quán là vô lậu không. Trong giả trung tự làm tham cúng có hơn một kỷ, thật không hề nghe có giải thích khác ở đây. Trung tức là Thật tướng, thật tướng là đồng, như thế nào số là hạn khác nhau, là một chẳng thật có. Một Tông giáo môn văn không nói giả dùng làm chung là hai chẳng thật có. Trong chín tiệm thứ đã có vô lậu, từ bi và giả nghĩa nó lại đồng, chẳng nên trùng số lấy ba có chín, là ba chẳng thật có. Nhờ sai lấy ba đủ sáu thiện ác, chỉ phải thành chín, nay nói mười hai là bốn chẳng thật có. Dẫu gồm thật tướng chỉ thành mười một, nay nói mười hai, là năm chẳng thật có. Lại văn bản thứ hai không có trong vô lậu nói chung, cũng nói mười hai. Nay phối ba thứ này mà với ba quán lại hợp tiệm thứ cũng chỉ mười hai, là sáu chẳng thật có. Lại nói các phen đạt tức là quán, chỉ tức là chỉ, ba đường vì sao chỉ có chỉ mà không có quán, thường trụ vì sao chỉ quán mà không có quán, thường trụ vì sao chỉ quán mà không có chỉ. Nhờ sai lấy đây làm chỉ quán, là trung gian bốn phen là bốn chỉ bốn quán, trước sau hai phen là một chỉ một quán, thì chỉ có mười. Nếu khai thiện ác đều lập chỉ quán thì chín chẳng đồng với mười tám chỉ quán. Nếu số thường trụ lại làm hiện văn. Văn nói tiệm chín là bảy chẳng thật có. Lại phải suy nghĩ phân biệt tiệm đầu

tuy lại biết viên. Chẳng đồng chỉ trung và trong mười hạnh, thời dài hạnh xa. Lược biết hai thứ này đã là giáo khác nhau. Cho nên biết ba thứ này biết viên tánh đồng mà hành tướng hơi khác. Phải biết Ngài Nam Nhạc chỉ trao cho Ngài Thiên Thai Lý Viên Đốn y cứ hạnh phải dùng tiệm bất định mà giúp. Hỏi: Đại sư Nam Nhạc biết bốn giáo chẳng? Đáp: Nam Nhạc biết rõ mà chẳng phán kỹ, vì sao. Như Trí Giả giải thích vị mà dẫn Nam Nhạc dùng văn Đại phẩm bốn mươi hai chữ lấy làm viên vị, địa Hoan Hỷ v.v... lấy làm biệt vị, địa Càn Tuệ v.v... lấy làm Thông vị. Lại Nam Nhạc tự giải thích bốn mươi hai tự môn gồm bày văn kinh Đại phẩm. Cũng làm nghĩa ba giáo mà giải thích, đã biết trong văn ba giáo đại phẩm nơi nơi đầu dùng để diễn bày đối tượng làm tiểu. Cho nên biết Nam Nhạc cũng biết bốn giáo. Lại bốn giáo này không phải bắt đầu từ Nam Nhạc. Thiền sư Tuệ Văn đã y theo Đại luận. Đại luận giải thích các kinh nói ba giáo, phải biết giáo này truyền đến đã lâu. Đến Ngài Thiên Thai thì phân biệt mới thành hành. Có người chép: bốn giáo là do thần tăng trao cho. Lời nói này không có bằng cứ. Thần tăng chỉ nói từ nay trở đi, tự hành hóa tha ta thường ảnh hưởng Tam-muội đã thiên cơ chợt phát, bốn giáo đâu đợi thần tăng. Thừa nhiếp hữu do rất phù hợp thánh chỉ. Cho nên ba quán nhiếp chung bốn giáo. Lại ba tên gọi chỉ quán này tuy giống ba thứ trong tám giáo mà tướng hoàn toàn biệt. Trong tám giáo kia chỉ có Hoa Nghiêm là Đốn, từ Lộc uyển trở đi là Tiệm, bất định gởi tại bốn vị trước trong. Trong phần Liệu giản bên dưới phân biệt sau chỉ là nhờ tên. Vì đem bí mật đối ba làm nạn, không phải ý chánh viên đốn trở đi, là giải thích viên đốn, trong đó trước là y căn cứ chỉ quán. Ban đầu duyên thật tướng đến chân thật, tức là chỉ quán cảnh sở được duyên, duyên nó cũng tạo tuy thuộc năng quán, nhưng ý lại nói được cảnh mâu diệu sở duyên. Từ hệ duyên trở đi, là kế giải thích năng quán, tức niệm làm hệ nên tịch mà thường chiếu, tức hệ làm niệm nên chiếu mà thường tịch. Năng sở còn là một hướng chỉ chỉ quán? Một sắc một hương đều là Trung đạo. Trung đạo tức pháp giới, pháp giới tức chỉ quán, chỉ quán chẳng hai, cảnh trí ngậm một. Sở duyên sở niệm tuy thuộc về cảnh, lại nói năng duyên để làm sáng tỏ tịch chiếu. Từ giáo môn của Sơn gia làm sáng Trung đạo chỉ có hai nghĩa, một là lìa đoạn thường thuộc hai giáo trước. Hai là Phật tánh thuộc hai giáo sau. Ở trong Phật tánh giáo phân ra quyền thật, cho nên có tức và lìa. Nay từ nghĩa tức nên nói sắc hương đều là Trung đạo. Sắc hương này người đời đều xem là vô tình. Nhưng cũng cho sắc hương là Trung đạo. Vô tình Phật tánh mê hoặc tai làm kinh tâm. Nay lại dùng mười nghĩa mà bình luận sai

đối với lý chẳng mê hoặc. Các thứ khác lệ theo đây mà biết: một là y cứ thân. Nói Phật tánh là Phật hải có đủ ba thân, chẳng thể nói riêng có tánh ứng thân. Nếu đủ ba thân thì pháp thân cho khắp sao cách vô tình, hai là từ thể ba thân tướng tức chẳng lúc nào tạm rời, đã cho pháp thân ở khắp tất cả mọi nơi. Báo ứng chưa hề lìa pháp thân, hướng chi là chỗ pháp thân hai thân thường ở. Cho nên biết ba thân ở khắp các pháp, đâu riêng pháp thân. Pháp thân nếu khắp thì còn đủ ba thân đâu riêng pháp thân, ba là y cứ sự lý, bốn thứ cần dùng chia ra tình và vô tình, từ lý thì vô tình chẳng phải tình khác. Cho nên tình, vô tình cũng thế, bốn là y cứ độ, từ mê là tình cho nên chia ra y chánh. Từ lý là trí cho nên y tức là chánh như thường tịch quang tức là cội pháp thân, thân độ tương xứng đâu cách vô tình, năm là căn cứ giáo chứng, giáo đạo nói hữu tình và phi tình, chứng đạo nói cho nên chẳng thể phân làm hai, sáu là y cứ chân tục, chân cho nên thể là một, tục thì phân ra có không, hai mà chẳng hai suy ra mà biết. Bảy là y cứ nhiếp thuộc, tất cả muôn pháp thuộc về tâm, ngoài tâm không có gì khác, đâu lại cách ngăn. Chỉ nói hữu tình tâm thể đều khắp, đâu cách cỏ cây gọi riêng vô tình, tám là nhân quả, theo nhân theo mê chấp khác thành cách. Theo quả theo ngộ, Phật tánh luôn đồng, chín là tùy nghi, bốn câu phân biệt thuận theo tất-đần, nói khác nhau loại, phân ra hai khác. Mười là Tùy giáo, ba giáo nói không, viên nói có khắp. Lại kinh Tịnh Danh chép: chúng sanh như nên tất cả pháp như, như không Phật tánh, lý tiểu giáo quyền, giáo quyền lý thật cũng chẳng phải y nay. Lại nếu nói vô tình thì đâu riêng ngoại sắc, nội sắc cũng thế. Cho nên Ngài Tịnh Danh chép: thân ấy không biết như cỏ cây gạch ngói, nếu luận hữu tình đâu riêng chúng sanh, tất cả duy tâm. Ấy thì một trần đầy đủ tất cả Phật tánh chúng sanh, cũng có Phật tánh Chư Phật mười phương. Từ giới mình trở đi là y cứ đế nói Đốn, tức là vô tác đế đến trong bốn hoàng mà nói Tướng đế. Trong đây lược bày quán vô tác. Cho nên bốn niệm xứ giải thích vô tác bốn đế rằng: trong một niệm tâm có đủ khổ mười giới, gọi là Khổ đế, đủ mười giới hoặc gọi là Tập đế, khổ tức Niết-bàn gọi là Diệt đế, hoặc tức Bồ-đề gọi là Đạo đế. Kế từ pháp tánh trở đi là lấy riêng một chỉ quán mà kết vô tác đế. Kế kết thể chẳng hai. Từ tiệm và bất định trở đi là dẫn rộng chứng viên. Trước đã chọn hai, kế chánh dẫn chứng, trước đã giải thích hai lớp rộng lược, nay lại dẫn chứng nên nói là lại nói. Trong bản thứ hai từ đây đến ân Phật pháp đều thuộc về bàn bạc, nay đều trở lại dẫn chứng văn. Xưa gọi bàn bạc mất mà chẳng bày là do đây, kế trong dẫn chứng ở trước dẫn kinh như liễu đạt v.v... là kinh cũ thứ năm trong phẩm Hiền

Thủ, Ngài Văn-thù dùng hai kệ mà hỏi nghĩa sâu liễu đạt tịnh đức Bồ-tát Hiền thủ đem mười lăm hạnh năm lần nói kệ mà đáp. Nay Bồ-tát Văn-thù ở trong sanh tử đến cùng kiếp chẳng thể hết. Lược trong kệ ấy vẫn hai hạnh lại nói sanh tử là nêu vị thấp nhất, là Bạc địa sơ tâm. Nếu chẳng thế thì vì sao có hiền viên đốn công sâu. Chẳng thể động là lý rốt sự khắp, chẳng bị chỗ động, chẳng phải gọi bất thối là bất động. Nói một niệm là nêu thời gian thật nhỏ công sâu đức rộng, sâu cùng không bến, rộng khắp không bờ. Như lai nói chẳng thể hết, lý đã mầu nhiệm nói chẳng thể cùng, cả người cực vị còn chẳng thể nói há phàm thánh khác nhau mà có thể nói cùng tận. Từ Bồ-tát này trở đi đến kiến lập chúng sanh, là kinh ấy mười lăm hàng kế trước sau. Hiền Thủ lại dùng sáu trăm chín mươi hai hàng bảy lần nói kệ đáp. Trong đó ba mươi hàng trở lại là nói viên tín. Kế sáu mươi hàng nối liền nhau nói về hành tướng tu. Kế nói sáu căn các tướng dùng lẫn nhau. Nay lược y đó khai làm sáu văn lập viên nhân quả. Sao gọi là viên văn kỳ văn, ba chương tức là ba đức, đến chỉ qui chương và trong đức chung với đủ tướng ấy. Nói viên tín là y lý khởi tín, tín là gốc hạnh. Như pháp là thứ ba nói Xá-vệ, Giang đông nước ấy rộng sâu, hơn năm trăm nhà ngang bướng đối gạt nhau. Phật biết có thể độ đến dưới cây. Có người đến lễ hỏi là có người đến thăm hỏi. Phật hóa thành người từ nước lên, nước đến mắt cá, mọi người kinh ngạc hỏi: Có thấy người từ nước đi lên chẳng? Có đạo thuật nào hóa người. Đáp rằng ta là người ngu dốt ở Giang nam đây. Nghe nói Phật ở đây muốn gặp. Người hỏi nước cạn sâu, người khác đáp, nước chỉ đến mắt cá chân. Tin nói mà lỗi không có thuật khác. Phật nói: chấp tin (tin chắc) bèn vượt qua vực sâu sanh tử, vượt qua sông mấy dặm, đầu đáng làm lạ. Người trong làng nghe đều từ Phật hóa, nay cũng giống như thế. Nếu tin ba đạo tức là ba đức, còn có vượt qua hai sông sanh tử huống chi ba cõi, ba đạo này chỉ là ba đế, đế đã là cảnh thì phải quán trí, ba quán là nhân, quán thành là trí đủ như giải thích ở sau, ba trí đủ như Đại phẩm. Trong ba trí phẩm ba quán đủ như anh lạc quyển hạ nói. Bấy giờ Bồ-tát Kính Thủ bạch Phật rằng: Những lời Phật đã nói trên hoặc nhân hoặc giả, hoặc hiền hoặc thánh tất cả công đức, nay trong hội này mười bốn ức na-do-tha người ai có thể chẳng từ tòa này đứng dậy học tu tập. Tu đầu đến cuối vào vị Bồ-tát. Lúc đó đỉnh đầu phát ra tất cả ánh sáng, lại nhóm hội Phật và chúng Bồ-tát ở mười phương trăm ức cõi Phật. liền ở trong chúng bảo Văn-thù, Phổ Hiền, Pháp Tuệ, Công Đức Lâm Kim Cương Tràng, Kim Cương Tạng, đồng tử Thiện Tài. Các ông thấy trong chúng ấy Bồ-tát Kính Thủ hỏi về ba quán pháp giới đạo

tự tánh thanh tịnh của Chư Phật, pháp môn tu quán của tất cả Bồ-tát? Các ông nên biết trăm muôn đại chúng đều phải tu học pháp môn như thế. Nếu thế, chỉ phải ở thượng địa mà tu ba quán này, có quan hệ gì với phàm hạ. Đáp văn kinh đã nói chỗ hiểu trăm muôn đều phải tu học, đâu riêng gì địa phương. Như ở phẩm Trung đạo của kinh Thủ-lăng-nghiêm có chép: cho đến phàm phu cũng được tin nhận minh, vô minh không ba. Vì không ba cho nên thành trí không ba, làm không ba hạnh cho đến già chết đều nói như thế. Cho nên mười hai chi mỗi chi đều dùng ba quán mà quán, quên mất năng sở nên nói không ba. Kinh Đại Anh Lạc quyển tám nói nhiếp ý vào định, phân biệt ba quán, cũng chẳng thấy ý người nhập định. Đạo tâm vô lượng thế giới ở mười phương thừa sự cúng dường quán tất cả pháp. Ấy gọi là đầy đủ thiền độ. Cho nên phải biết ba quán chưa viên thiền độ chưa mãn, danh từ hiển bày lược như trên dẫn. Nếu dùng nghĩa cầu nhiếp tất cả pháp đủ như văn dưới sẽ nói trong nhiếp pháp. Cho nên ba quán trí, văn lý có bằng chứng. Hỏi nghe trong viên pháp làm thành tên ba đức. Tin phải y nghe, vì sao viên tín làm tên ba quán cho đến giá chiếu rộng sâu v.v... ư? Đáp: ba đức là cảnh, ba quán là hạnh. Hạnh phải nương cảnh, lại từ hạnh nói. Không là Bát-nhã, giả là giải thoát, Trung là pháp thân, chiếu là Bát-nhã, giá tức giải thoát, không giá không chiếu là pháp thân, rốt ráo là pháp thân, thanh tịnh tức là Bát-nhã, tự tại tức là giải thoát. Sâu là Bát-nhã, rộng là giải thoát. Chẳng sâu chẳng rộng là pháp thân. Tín sẽ khởi hạnh, Cho nên từ hạnh mà được tên khác nhau. Lại ba quán từ nhân, giá chiếu từ dụng, sâu rộng từ thể. Trong viên hạnh nói một hướng, là nếu chẳng một hướng tức là thuộc hai thứ kia nói vào thẳng Trung đạo, chỗ gọi chỉ là Trung. Chỉ là chẳng bị thiên, không thiên giả kéo lôi, nên gọi là bất động bất tịch. Từ hơn làm tên nên gọi vào thẳng. Người chẳng thấy thì gọi là quán trước chỉ trung đều không có lý này. Kế trong Viên vị mà chỉ là ba đức ba đức. Sơ hiểu sơ khai nhập vị sơ trụ, một trụ tất cả trụ, là trong sơ trụ thì đủ tất cả vị, như môn chữ A đầy đủ tất cả công đức Chư Phật. Công đức tuy nhiều mà chẳng ngoài ba đức, nên nói tất cả rốt ráo v.v... Trong viên Trang nghiêm có pháp thí hợp, trong pháp lại dùng một tâm ba đế làm sở trang nghiêm, một tâm ba quán làm năng trang nghiêm. Khi đến vị này ngoại dụng tự tại nên nói Trang nghiêm, chánh thọ không công đức nói ra giả công đức. Công đức trong nhập xuất và bất nhập xuất, trong đó có song già và song chiếu. Đối với đức và dụng so nói rất dễ hiểu. Căn là sáu căn, trần là sáu trần, phương là mười phương, vật là tùy trần đều có các loại, chánh báo v.v... là văn kinh rộng

y cứ nam nữ các thân, phương trần vật v.v... tức là y báo. Kế là văn thí dụ. Trong dụ song nhập xuất. Vả thí dụ sáng khởi xuất mà nói, thí dụ chiều nhập chánh thọ, thí dụ nửa đêm là chẳng nhập xuất. Cho nên kinh Trường A-hàm quyển hai mươi hai chép: ở Diêm-Phù-Đề là mặt trời giữa trưa, ở Phát-bà-đề là mặt trời lặn, ở Cù-đà-di là mặt trời mọc, ở Uất-đơn-việt là nửa đêm. Văn kinh thứ lớp bốn phương nói khắp. Kinh ấy lại chép: Diêm-phù-đề là Tây thì Cù-da là Đông, Cù-da là Tây thì Vu Đãi là Đông. Vì mặt trời mọc là Đông nên nay chỉ lấy bốn phương thấy khác làm thí dụ, trong hợp mà nói cũng thế, là phải đem đủ ba để ba quán trên mà hợp trong đây. Trong kiến lập nói manh cổ là đui mù. Nay vì vô duyên không nạp ánh sáng giáo nên mắt tâm như mù, cho nên nêu Long vương làm thí dụ. Thuyết văn nói rồng hay ẩn hay hiện hay lớn hay nhỏ, xuân chia thì lên trời, thu chia thì xuống vực sâu. Quán Tử nói muốn nhỏ thì như con tằm muốn lớn thì đầy khắp trời đất. (Tha: là Tha Hóa; Lạc: là Hóa Lạc; Đâu: là Đâu Suất; Dạ: là Dạ-ma; Đạo: là Đạo Lợi; Tu: là Tu-la là tên các trời. Não: là mã não; lê: là pha lê; Diêm: là Diêm phù; Việt: là Uất đơn việt, v.v...). Đây là sáng tục nói chưa biết hết công dụng của rồng. Nay y theo Hoa Nghiêm thì Long vương Ta-kiệt-la làm mưa khắp sáu tầng trời cõi dục, ngang khắp bốn vực. Kim cương rộng nói bắt đầu từ lớp Kim cương, cuối đến trời Tha Hóa, bốn vực là người bốn châu. Sáu trời là sáu tầng trời cõi dục. Tức dụ cho sáu vị đã phá vô minh thấy Đệ nhất nghĩa. Nên gọi là trời bốn mươi vị là bốn, Đẳng giác, Diệu giác là hai. Nếu tu nhân mà nói thì phải từ trụ tiền cho đến Đẳng giác. Pháp thân nói pháp còn sai Đẳng giác dứt phẩm cuối cùng, hướng chỉ là Sơ trụ. Trong đây phải dùng bản tích cao thấp bốn câu mà giải thích, bốn vực ví như bốn cơ, bốn môn, bốn tất, v.v... được ích lợi khác nhau. Cho nên biết sáu phen chỉ đốn bốn cơ thông tiệm. Nói người ở vị này có hai kiến lập. Dụ chung cho bị vật cơ thấy khác nhau. Nổi mây là kinh nói Long vương hiện bày tự tại từ mé Kim cương đến trời Tha Hóa, nổi mây khắp bốn thiên hạ, mây ấy có các màu trang nghiêm.

*Tha vàng, lạc đỏ, Đâu-suất trắng Dạ Lê,
Đạo Não, Tứ vương pha.
Trên biển Kim cương, hương hệ-na
Các rồng như hoa, tu như núi.
Diêm xanh, việt vàng, hai châu tạp
Điện cũng tùy cảm đều khác nhau.
Tha Hóa nhật quang, lạc nguyệt quang*

Đâu, Diêm-phù vàng, dạ báu trắng.
 Dao vàng, Tứ vương mâu tối diệu
 Diêm xanh sắc báu, ba châu khác.
 Sấm sét khác nhau lại khác nhau,
 Tha Hóa Phạm âm, lạc diêu âm.
 Đâu kỹ nhạc âm, dạ thiên nữ
 Dao hệ la nữ, tứ vương càn.
 Loài người hải triều âm đồng khác
 Tám bộ chỗ thấy đều khác nhau.
 Mưa khác nhau, tướng cũng khác nhau,
 Tha hóa hương hoa, nhạc chiêm bặc.
 Đâu ma ni báu, dạ cờ lọng.
 Dao châu như ý, bốn cam lộ.
 Bắc việc anh lạc, hai chiêm-bặc.
 Nam Diêm-phù-đề nước thanh tịnh
 Các rồng thấy biết đều khác nhau.
 Cùng dụ Bồ-tát tự tại dụng.

Mây ví cho hiện thân, sấm ví cho nói pháp, điện ví cho phát ra ánh sáng, mưa ví cho từ bi. Ba nghiệp như thế hay chúng sanh sự thấy biết đều khác. Hỏi trang nghiêm kiến lập có gì khác nhau? Đáp: Đều là không thể nghĩ bàn Một tâm ba trì trang nghiêm pháp thân gọi là Trang nghiêm. Ngoài ích ở nó gọi là kiến lập. Cho nên Pháp Hoa chép: Năng lực Định Tuệ trang nghiêm, dùng đây độ chúng sanh. Độ sanh tức là kiến lập. Hợp như văn. Sơ tâm còn thế v.v... là nêu so sánh. Đây là chỉ cho viên lập sơ phát tâm trụ khác nhau với sáu căn thanh tịnh v.v... ở văn trước. Nhị Trụ trở lên cho đến Đẳng giác gọi là Trung tâm, Diệu giác vị gọi là hậu tâm. Cho nên nêu sơ trụ để so sánh trung hậu. Cho nên Sơ trụ trở lên cũng gọi là sáu căn dùng lẫn nhau. Như kinh Tứ Niệm Xứ chép: sáu căn dùng lẫn nhau gồm có hai thứ: một là tự, hai là chân. Tự như Pháp Hoa, chân như Hoa Nghiêm. Nay y theo Hoa Nghiêm, Sơ Trụ trở lên tức là chân dùng lẫn nhau. Đây là dẫn Hoa Nghiêm chứng ba trung đốn, vì sao gọi là Tiệm viên. Như lai hết lòng là chánh dẫn pháp bày diệu pháp thể, pháp thể chỉ là đồng thể cảnh trí tức là nói người chẳng khinh cho nên người hiểu, vui mừng là sao, ở đầu phẩm Phương Tiện, có Ký ngôn, tuyệt ngôn khen rộng, khen lược, chẳng nêu quyền thật. Cho nên đầu chương nêu rằng: Chư Phật có trí tuệ sâu xa vô lượng. Sâu xa là khen thật, vô lượng là khen quyền. Cho đến ở cuối chương chỉ có Phật và Phật mới biết rõ hết thật tướng các pháp, các

pháp là quyền. Thật tướng là thật. Đây đều là ký ngôn khen quyền thật, chỉ chẳng cần nói tức là bất ngôn khen. Cho nên nói hết lời khen ngợi pháp này, cho nên cuối văn xuôi Ngài Thân tử thỉnh rằng: Bạch Đức Thế tôn vì sao hết lời khen ngợi là chỉ văn này. Ý khen ngợi bởi có lý do Phật thành đạo đến nay đã bốn mươi hai năm mới hiển chân thật nay muốn nói pháp lại đời ba lần t hình đã hứa nói xong năm ngàn vị đứng dậy đi, sau mười rộng y cứ chương môn năm Phật mà khai quyền bày thật, cho nên biết khai hiểu đầu dễ được nghe. Cho nên nói Như lai hết lời khen ngợi, đầu quyển hai Ngài Thân Tử hiểu được, vui mừng hơn hở. Cho nên nói người nghe vui mừng. Kế dẫn các kinh nói người cầu chí lớn cho nên chỗ làm pháp mầu đều là giải thích thành pháp được truyền. Nói thường than khóc, tức là vì cầu pháp mà bảy ngày bảy đêm than khóc ở chỗ rừng vắng nên gọi là Thường Đề, tiếng Tây trúc là Tát-đề-ba-luân. Kinh Đại phẩm quyển hai mươi sáu nói Phật bảo Tu Bồ-đề rằng Bồ-tát Ma-ha-tát vì cầu Bát-nhã Ba-la-mật thì phải như Tát-đề-ba-luân. Bồ-tát này nay ở chỗ Phật Lô Ím mà thực hành hạnh Bồ-tát. Tu Bồ-đề nói vì sao vị ấy cầu Bát-nhã Ba-la-mật thì chẳng tiếc thân mạng chẳng cầu danh lợi nghe trên hư không có tiếng rằng người thiện nam, từ đây đi về phương Đông chớ màng các việc như: mỗi mệt, ngủ nghê, ăn uống, ngày đêm, lạnh nóng, v.v... chớ nhìn ngó hai bên, chớ hoại thân tướng, nếu hoại thân tướng thì ở pháp có ngại. Có ngại cho nên tới lui năm đường chẳng được Bát-nhã Ba-la-mật. Bồ-tát nói con theo lời dạy bảo. Vì cầu Bát-nhã vì chúng sanh vì làm ánh sáng lớn nên cầu Bồ-đề. Lại nghe trên hư không có tiếng chép: ông nên tin chắc ba không, gần gũi cúng dường các thiện tri thức. Các thiện tri thức nói được ba không, cho đến các trí sai tâm vui mừng. Do đó, Bồ-tát nghe lời dạy đi về phương Đông. Lại nghĩ rằng: chẳng hỏi tiếng trên hư không đi về đâu, đi gần hay xa biết nghe theo ai, bèn than khóc bảy ngày đêm như con chết. Trên hư không có tiếng Phật bảo. Chư Phật quá khứ khi cầu Bát-nhã cũng giống như thế, từ đây đi về phương Đông năm trăm do-tuần có ngôi thành tên là Chúng Hương. Thành ấy có Bồ-tát Đàm-vô-kiệt, mỗi ngày ba thời nói Bát-nhã, người nghe cúng dường đều không còn lui sụt. Ông nên đến đó mà nghe Bát-nhã, nghe rồi rất vui mừng. Lại nghĩ lúc nào ta được thấy, khi nghĩ thế thì vô lượng trí tuệ, vô lượng Tam-muội đều hiện ra, do đó liền đến, v.v... Thiện Tài Nam Cầu, là Đồng Tử Thiện Tài khi mới gá thai trong nội cung có bảy kho lớn, các kho ấy đều sanh ra lầu các bảy báu tự nhiên vây quanh, có bảy vật. Từ bảy báu sanh ra bảy răng ngà. Thiện Tài sanh rồi ngà cao mười bốn tằm

rộng bảy tằm. Lại ở trong nhà có năm trăm hình báu đựng đầy các báu. Lại các hình bảy báu cùng sanh các báu. Vì nhân duyên ấy nên các Bà-la-môn giỏi xem tướng đặt tên là Thiện Tài, tìm thiện tri thức đi dần về phương Nam qua một trăm mười thành gặp các thiện tri thức đều bảo rằng tôi trước đã phát, tâm Bồ-đề. Các thiện tri thức đều nói tôi chỉ biết có một pháp môn này. Mới trải đến thành thứ năm mươi một thì gặp Di-lặc, thành năm mươi ba thì gặp Văn-thù, Phổ Hiền thì chẳng còn nói chỉ biết một pháp. Cho nên biết là trước tiệm sau đốn. Nay từ sau đốn nên chỉ ra, đủ như trong phẩm Nhập Pháp Giới, v.v... Dục Vương đốt tay là Dục Vương Bồ-tát vốn ở chỗ Phật Bảo Tạng phát nguyện trị hai bệnh thân tâm của chúng sanh. Nên nay gọi tên ông là Dục Vương. Ở chỗ Phật Nhật Nguyệt Tịnh Minh Đức tên là Nhất Thiết Chúng Sanh Hỷ Kiến Phật ấy diệt độ rồi thì xây tháp cúng dường. Bồ-tát Nhất thiết chúng sanh hỷ kiến vì cúng dường tháp, nên ở trước tháp ấy mà đốt cánh tay trăm phước trang nghiêm suốt trong bảy mươi hai ngàn năm, sai vô lượng A-tăng kỳ người phát tâm Bồ-đề. Sau khi phát thệ thì tay hoàn lại như xưa. Đây cũng là câu quyền thật diệu thể. Phổ Minh tự cắt đầu, là được tên là Vị Tri. Tên này là từ kinh Nhân Vương. Đại luận gọi là Ma-vương Tu-đà. Nhân vương chép: Xưa vua nước Thiên-la có Thái tử tên Ban Túc khi mới lên ngôi được ngoại đạo Đà-la dạy sai lấy đầu một ngàn vua để tế thần mải, từ khi lên ngôi rồi thì cắt được chín trăm chín mươi chín đầu vua, còn thiếu một đầu. Đi về phía Bắc một ngàn dặm thì được một vị vua tên là Phổ Minh, vua ấy thưa rằng cho tôi còn sống một ngày để cúng cơm cho Sa-môn và lạy Tam bảo. Ban Túc nhận lời. Phổ Minh liền trở về y theo pháp bảy Đức Phật thỉnh một trăm vị Pháp sư, một ngày hai thời giảng Bát-nhã một ngàn bài kệ xong, Pháp sư thứ nhất vì vua và quyến thuộc nói kệ bốn phi thường, quyến thuộc được Pháp nhãn, vua được Tam-muội không bình đẳng, các tên pháp nhãn v.v... giống Tiểu thừa vì trị vua này, khiến cho bỏ y chánh. Đã nói y theo pháp bảy Đức Phật để giảng Bát-nhã, đầu riêng Tiểu thừa hướng chi là cộng bộ, nghĩa không vốn chung. Nay từ bất cộng Cho nên chỉ rõ. Một ngày ba xả là nói Lý viên Pháp Diệu, ân sâu khó đền đáp, kinh Kim cương kia dùng bốn câu kệ để đánh giá xả thân, nay mượn văn kinh ấy mà nêu nhiều so sánh ít. Ngày bỏ ba thân luôn trong trăm ngàn ức mà chẳng thể báo đáp. Một câu Bát-nhã, hướng chi như Pháp Hoa đội mang gánh vác tuy nhiều kiếp gánh vác mà thân ấy cũng còn, đầu thể báo đáp đằm Viên thừa, Bát-nhã cộng biệt ý chẳng khác trước. Một kinh một lời là nêu lược, chỉ rộng như trên trích dẫn Thường Đề, v.v...

đều là một kinh. Trong một kinh lược, còn một lời, lấy đây mà so sánh các thứ khác rất dễ thấy. Nghi nói trở đi là thỉnh chứng hai thứ kia, đây tức là hỏi. Từ trên đã chứng Tam-muội viên đốn, tiệm cùng bất định thì lấy gì làm bằng. Nhưng kinh luận trở đi là đáp. Trước nói ý đáp, viên là gốc ý ấy nên dẫn trước. Tiệm và bất định cũng đều có bằng cứ, do đây lại chứng (chung) ba nghĩa. Thánh giáo đã nhiều, Khảo Thanh dẫn đủ nên nói là lược nêu. Kế là đáp riêng. Trong đó trước dẫn bốn kinh đều chứng ba nghĩa, kế dẫn vô lượng nghĩa thì chỉ chứng ở tiệm. Kế dẫn sáu kinh chứng riêng ở viên viên là ý chánh nên lại dẫn. Lại dẫn Hoa Nghiêm kết chung, văn trước là dẫn các giáo. Trước dẫn Tịnh Danh nói về Tiệm. Hoa Nghiêm là giáo tiệm trước đốn sau, nghĩa đồng tiệm quán cho nên dẫn ra. Các văn dưới trở đi là chứng tiệm bất định, đều mượn giáo để chứng quán, thế nghĩa giống nhau đâu thể toàn đồng. Nếu khuấy giáo thành quán lại chẳng khác lắm. Cây Phật, cũng gọi cây nguyên cát, cũng gọi là (cây) đạo, cây Bồ-đề. Từ đó mà được đạo nên gọi Thế. Đã hàng ma rồi chứng được trạch diệt, thấy đế lý, lia pháp sanh tử thì gọi là cam lộ diệt, là đức đoạn thành tựu, đạo Giác thành tựu là phát được trí chân đạo năng đoạn nên gọi giác đạo thành là trí đức thành. Diệt đạo thành cho nên bốn đế đầy đủ, từ thắng (hơn) mà nói nên chỉ nói diệt đạo, ba chuyển v.v... là khuyến chứng. Một chuyển đều sanh mắt trí sáng biết gọi là mười hai hạnh, nói đủ hai nghĩa: một là chuyển đi, hai là dẹp phá. Dùng bánh xe bốn đế mà chuyển độ cùng phá kiết hoặc của người. Như báu Vương Luân làm hoại, làm an, bánh xe pháp cũng giống như thế, hoại oán phiền não mà an trụ Đế lý cho nên người xoay bánh xe pháp này ở Đại thiên. Nói Đại thiên là như luận Câu-xá nói là bốn đại châu mặt trời, mặt trăng, Tô-mê-lô Dục Thiên, Phạm thế đều một ngàn gọi là một tiểu thiên giới, một ngàn Tiểu thiên này là một trung thiên, một ngàn Trung thiên là một Đại thiên đều đồng một ngôi thành một hoại. Đời không có hai Phật cho nên ở một Đại thiên. Kinh Thụy Ứng nói là trung ương của mười hai ngàn trời đất vậ. Bốn Đế lý này thể không kiết hoặc nên gọi là vốn tịnh. Lại nói vốn chẳng thể nói nên gọi là vốn tịnh, vì phá hoặc người không được mà chuyển tám muôn các vị trời được pháp nhãn thanh tịnh. Năm người như Câu-lân, v.v... đều được sơ quả cho nên nói trời người đều được đạo chẳng đối, có thể làm chứng. Thế tôn là Phật bảo, nên gọi là Tam bảo hiện thế gian. Kế chứng bất định tức là nói lên bất định. Nói một âm là gọi chung đại tiểu nay ý ở đại. Nói Tiểu thừa, như Tỳ-đàm chép: Phật vì bốn vua mà dùng lời thánh nói bốn đế, hai đế hiểu, hai đế không hiểu, Phật lại nói tiếng Tỳ-đà-la

thì một người hiểu một người không hiểu. Phật lại nói tiếng Lê-xa thì bốn vua đều hiểu. Hỏi nếu lời thánh nói mà hai trời chẳng hiểu. Nếu Phật có tài thì đâu có chẳng hiểu, nếu Phật bất tài thì kệ làm sao hiểu. Kệ chép: Phật dùng một thứ tiếng giảng nói pháp mà hiện ra các nghĩa. Chúng sanh đều bảo Phật vì ta hiểu mà nói các pháp chớ không phải vì người. Đáp: một âm là âm Phạm. Nếu trong đại hội có nhiều người tham, đều bảo Thế tôn chỉ vì riêng ta mà nói vì bốn vua này đều nghĩ khác nhau, nên Phật ba lần nói để đến ý niệm của họ. Lại phá chúng sanh bảo Phật dùng lời thánh mà nói pháp. Lại có chúng sanh phải đổi hình tiếng mà thọ hóa, có loài thì không cần đổi. Cho nên khác nhau một âm Đại thừa. Nay như dẫn luận khởi Tín nói: Viên âm hễ giảng nói thì các loài khác đều hiểu. Lại như trong tám mươi vẻ đẹp, một âm đáp được các thứ tiếng, khác phương loài khác đều được lợi ích. Như lai vốn chẳng phải dùng tất cả tiếng nói mà đến khắp tất cả tiếng nói, là cùng đồng với nghĩa bất định của văn này. Hoa Nghiêm, Lăng-già đều nói Như lai có sáu mươi bốn thứ tiếng, đây là phương tiện chưa phải lý rốt. Nay nói sợ sệt vui mừng là y cứ bốn tất mà nói tướng bất định. Sợ sệt là ba cõi đáng sợ tức là thế giới. Vui mừng là vui có thể làm lành, tức là loài người. Chán lìa là lìa các điều ác, tức là đối trị. Dứt nghi là nghi dứt thấy lý Đệ nhất nghĩa. Kế chứng đốn là chẳng phải có chẳng phải không, chung cả bốn giáo, bỏ ba còn viên vì chứng ở đốn. Lý vốn không nói bốn tất bị cơ nên các pháp sanh vô ngã, v.v... kết thành viên đốn, vô ngã tạo thọ kết chẳng có, thiện ác chẳng mất kết đều chung bốn giáo (bỏ) ba cũng như vừa nói. Có người nói vô ngã đạo thọ phá thắng số luận Tam tạng có thể chung nghĩa bất nhiên, cho nên nay chẳng dùng. Trong Đại phẩm trước chứng Tiệm là Đại luận quyển tám mươi hỏi rằng Bồ-tát Thỉ hạnh tu hành thế nào, ba thứ này có gì khác nhau? Có người chép: có khác vì y cứ đầu giữa cuối, hoặc y cứ ba học để đặt ba tên. Lại Đàn-lê gọi là Hạnh, Thi thiền gọi là Học, Sằn-bát gọi là Đạo. Hỏi vì sao có thứ lớp? Đáp: các pháp tuy không thứ lớp mà được. Bát-nhã cũng giống như thế, vào tất cả pháp bốn thiền cho đến Đệ nhất nghĩa không. Luận Châu-ma-ni nói báo ma-ni ở trong nước sẽ có bất cứ một màu nào. Như ở trong nước xanh thì màu xanh. Cũng gọi là như ý, giống như Đường Phạm khác nhau. Đại luận Hoa Nghiêm đều gọi Như-ý Ma-ni, giống như nêu hai tiếng, như Pháp Hoa gọi Ma-ni anh lạc, Như ý châu anh lạc, tuy giống nhưng thể khác. Chân tánh như thể của châu, còn tập tánh như vật biểu. Nghe giáo như đặt trong nước, tập phát như hiện sắc. Lý tánh chẳng khác mà hiện sắc các pháp. Phát tâm tức ngồi đạo tràng là nói

mới phát tâm, lại nói xoay bánh xe pháp, biết là Sở Trụ, tám tướng thành đạo, chia thân trăm cõi, hiện xoay bánh xe pháp tức là nghĩa viên. Kế dẫn Pháp Hoa, chẳng phải người giáo Hoa Nghiêm, cũng chẳng phải các giáo vào đốn, bắt đầu từ Lộc uyển thiệp hai vị nên gọi là Tiệm. Nói chẳng tin, là nếu chẳng tin Đốn, lại dùng sâu khác. Viên giáo chẳng phải khác mà là sâu, Biệt giáo là khác mà cũng là sâu. Tạng thông là khác mà chẳng phải sâu. Chỉ xưa đốn tiệm đều là dùng ba mà giúp đốn. Xưa chưa bị hội ở khác ở sâu hoặc tin hay chẳng tin, nên gọi là bất định. Tiệm và bất định đều từ xưa nói. Lại đến Pháp Hoa thì lại không hai tên. Nếu vì người từ Tiệm giáo đến thì gọi Pháp Hoa là tiệm đốn, người này cũng từ bất định đến, sao Pháp Hoa chẳng gọi là Bất định đốn? Người tu nhiều đường, Pháp Hoa thường đốn, đều ban là một suy nghĩ rất dễ hiểu. Xả phương tiện là y cứ bỏ quyền. Kế dẫn Đại kinh mười ba chép: từ trâu ra sữa là ví như từ Phật ra mười hai bộ kinh, cho đến từ bỏ chín ra Đề-hồ là ví như từ Bát-nhã ra Đại Niết-bàn. Trung gian thứ đệ để đối với Tam-muội, lấy thứ đệ nghĩa đồng với Tiệm. Văn Trí Độc ở thứ hai mươi bảy. Nhóm họp liễu nhân gọi là Trí độc, nhờ nay nghe suy nghĩ mà độc phát khác nhau giống như quán bất định nên lại làm chứng. Tuyết sơn Nhẫn Thảo: quyển hai mươi lăm chép: Tuyết sơn ví cho Phật, Nhẫn thảo ví cho tu hành, xuất là ví cho nhập trụ. Đốn cơ hỏi Phật, nói giáo viên đốn, nghe rồi tu hành, phát hiểu vào vi. Trước tu lạc ra, chưa dung luyện lại, gọi là bơ sống, chất tinh diệu của bơ gọi là Đề-hồ. Kế dẫn vô lượng nghĩa, ba thừa thứ lớp nên gọi là Tiệm, đều dùng mưa mà ví cho ba thừa pháp luân, nói thừa kém nhất là mưa nhỏ. Vì mới chuyển nên gọi là mới mưa, phát hoặc ba cõi gọi là chán bụi dục, nghe xoay bánh xe pháp sẽ kiến hết trước, tư hoặc tuy nhiều lấy dục làm gốc, dục chung ba cõi nên gọi là các. Đạo phẩm sau đủ ba Tam-muội nên gọi là khai môn, được hai giải thoát gọi là phiến phong, dứt nóng sanh tử. Chân pháp mát mẻ nường thừa Thanh văn. Kế nhân duyên giáng xuống, nhân duyên mưa rót xuống mà dứt bụi vô minh. Mây tuệ đã nổi làm tắt ánh sáng tà. Đây là Trung thừa, sau mưa Đại thừa tất cả đều mưa. Nếu Phật thừa mở thì khắp đủ các cơ, Đại thừa ý thông nên nói tất cả. Nếu dẫn văn ấy chứng hai thứ kia. Từ một pháp một pháp đốn vậy, hoặc hai hoặc ba tức là bất định. Tiệm vẫn dứt trừ lại từ hiển mà nói. Kế riêng chứng viên, là Như lai Long vương mưa giáo viên đốn, không mưa ba giáo xuống đất loại thấp. Nhị thừa chẳng nghe cũng chẳng thể nói, cho nên như cầm như điếc. Tịnh Danh nhà trống biểu thị cho Thường tịch quang, chư Phật mười phương thường nhóm họp trong đó. Cho nên người vào thì chỉ tôn

kinh Phật thừa, dẫn kinh Lăng-nghiêm thì lý tánh như hoàn. quán hạnh như đốt, các pháp đốn phát tên đủ các khí. Dẫn Đại phẩm thì như phẩm Quảng thừa muốn được các pháp đều nói phải học Bát-nhã. Dẫn Pháp Hoa thì từ Pháp Hoa trở về trước chưa hề khai quyền, chẳng gọi đầy đủ. Dẫn Đại kinh thì lý đủ các pháp giống như nước biển. Người tu quán hạnh như đang tắm. Hạnh nhiếp tất cả gọi là đã dụng. Hoài Nam Tử nói biển chẳng nhường nước chứa nhỏ thành lớn, bắt đầu từ Long vương, cuối cùng là biển lớn, đều phán sáu tức mới hết lý ấy. Có người chép: đất khác chẳng kịp mưa khắp, chỉ ngửi mà cách mùi khác. Đảo hòa chẳng bằng vốn đủ, tất cả chẳng bằng tức là biển đủ chẳng bằng sông đủ, phải biết người này chẳng ý dụ, hễ người lập dụ đều phải y cứ hiện sự cho nên dẫn cực sự mà dụ cho pháp tối thượng pháp sẽ mau đủ đâu cần phải khó dụ. Núi Tuyết dụ cho voi ý cũng giống như thế. Kế lại dẫn Hoa Nghiêm để kết trước. Núi cao thấy mặt trời mọc trước các nơi khác, chưa nói là phương chung, cho nên tuy đốn mà bỏ hạnh nhỏ, hang sâu được chiếu sáng thì hơn ở đỉnh núi cao mà ẩn kín, không bằng bình xuyên (sông và đất bằng) nên chưa gọi là khắp lợi ích, cho nên chẳng thọ ký, chỉ được thiên chân. Kế ở trên trở đi là biết khen. Đây là y cứ chín đời để khen chân pháp. Cho nên ba đời đều nhắc lại pháp Như Như gọi là thầy của Phật. Hoa Nghiêm quyển ba mươi mới chép: Phật tử có mười thứ ba đời, nghĩa là quá khứ nói quá khứ, quá khứ nói vị lai và quá khứ nói hiện tại. Vị lai nói quá khứ, vị lai nói hiện tại, vị lai nói vô tận, hiện tại nói quá khứ, hiện tại nói vị lai, nói hiện tại bình đẳng, hiện tại nói ba đời bình đẳng. Nói được mười thu này thì nói được tất cả ba đời. Kinh Hoa Nghiêm làm thành mười câu, cho nên ở ngoài chín liên thân bình đẳng. Cho nên đại anh lạc đều nhờ Thiên tử hỏi Phật: ba đời đều có Chư Phật chăng? Phật nói ông hỏi thế nào là ba đời, quá khứ chăng? hiện tại chăng? hay là vị lai? Đây cũng là ý chín đời. Vô thỉ đều là quá khứ, thuộc về quá khứ nên gọi là vô manh. Mầm lúa mới nảy nở gọi là Manh, đậu mới nhú gọi là câu. Phải biết chỉ quán trở đi là tông kết mà nói. Lý tánh bốn đức tức là thầy của Phật, chỉ chung văn trước như liễu đạt, v.v... kế bày ba văn bộ riêng nơi chốn, pháp được truyền chẳng ngoài ba thứ này. Phạm muốn tu hành thì y theo bộ nào, cho nên phải bày bộ khác nơi chốn. Trước đã tin, v.v... là kết trước sanh sau. Thứ đệ thiên môn, mục lục nói Đại sư ở Ngõa Quan mà nói. Chùa Đại Trang Nghiêm, Pháp thân riêng ghi phần đầu còn chưa trị định, bản thảo mới thành truyền cho Thiên sư Thiên Thai Đánh. Trị định đã thành mười quyển. Vua trần cũng có thỉnh Đại sư Nam Nhạc giảng kinh Đại phẩm.

Đại sư chép: hai trang Hạ chẳng đủ, lại nói sáu độ, sáu độ lại rộng bên nói Thiên đê, đây không có văn chép. Nay Thiên Thai nói thì mở làm mười chương một là đại ý, hai là thích tên gọi, ba là minh môn, bốn là thuyên thứ, năm là tâm pháp, sáu là phương tiện, bảy là tu chứng, tám là quả báo, chín là khởi giáo, mười là qui thú. Chỉ đến tu chứng, ba thứ kia lược không có. Ở trong tu chứng mở làm bốn khác: một là thế gian thiên, hai là thế gian cũng là xuất thế gian, ba là xuất thế gian, bốn là không phải thế gian không phải xuất thế gian. Trong bốn thứ này chỉ đến thứ ba là xuất thế. Xuất thế lại có hai một là đối trị vô lậu, hai là duyên lý vô lậu. Chỉ đến đối trị, đối trị là chín tức chín tướng, tám niệm, mười tướng bối xả, thắng xứ, nhất thiết xứ, chín định thứ đệ phần tán, vượt lên. Giải thích chín thứ này xong thì nói về tướng tu hành đâu thế đủ hết. Nếu ghi hết các văn dưới đây phải ba mươi quyển.

Truyền rằng: Đại sư Thường ở trên tòa cao bảo rằng: nếu nói thứ đệ thiên môn, mỗi năm riêng mới khắp. Nếu lập chương mà số (giải thích) thì cũng năm, mười quyển. Văn truyện là do Ngài Chương An soạn ra, mục lục cũng do chúng cùng ghi chép, quyển hoặc lớn nhỏ khác nhau ngại gì. Sáu Diệu Môn cũng là mười chương: một là trải qua các thiên, hai là sanh nhau, ba là tiện nghi, bốn là đối trị, năm là nhiếp nhau, sáu là chung riêng, bảy là toàn chuyển, tám là quán tâm, chín là viên đốn, mười là chứng tướng. Trong mười chương này sáu thứ trước chung cho đại tiểu cho đến lậu và vô lậu. Từ thứ bảy trở đi là pháp riêng của Bồ-tát. Lại bảy thứ trước là y cứ sự, quán tâm chỉ là lý. Lại tám thứ thuộc Thiên, thứ chín là Viên. Lại chín thứ trước là tu, thứ mười là y cứ chứng. Văn gồm sự lý và hữu lậu v.v... tu phát khác nhau nên gọi là bất định. Mười hai thiên tức là bốn thiên, bốn không, bốn vô lượng cho đến sáu độ, dùng mười môn sáu diệu mà trải, nghiệm ra chỗ phát tuy lấy thượng thư lệnh làm thỉnh chủ, tu phát cũng đâu có gián đoạn, ở đạo và tục. Văn viên đốn, tức là văn này, Chương An tự nói chỗ ghi. Nói về đại phần tuy như vừa nói nhưng trong mỗi bộ đều có bàng chánh hư thứ lớp thiên môn chánh nói thứ lớp, bàng cũng có hai. Văn tuy chưa trọn cũng có ý ấy, chẳng phải lậu, chẳng phải vô lậu tức là đốn văn. Tu phát khác nhau mười sáu câu tức là bất định. Trong sáu Diệu Môn chánh nói bất định, bàng cũng có hai, Viên đốn tức đốn, tương sanh tức tiệm. Nay Viên văn đốn cũng gồm hai thứ kia. Lệ như ba tạng cũng có chung riêng. Từ tuy có trở đi là khuyên răn một là khuyên chớ chấp ba, cho là nhất định có, hai là khuyên chớ chấp, ba là định khác nhau. Tuy có ba khác nhau nhưng đều chung thật tướng, đâu thể chấp nhất định

tướng phải trái, cho nên văn sau nói biết văn chẳng phải văn. Bướu la bình thịt nổi cao lên, hai là bình thịt khuyết lõm. Định có làm bớt, định có làm thêm, cho nên dẫn làm thêm bớt ba chê bai.

Kế dẫn luận: Đại luận quyển hai mươi khen kệ Bát-nhã rằng: nếu chẳng thấy Bát-nhã ấy thì bị trói buộc, nếu người thấy Bát-nhã là được giải thoát. Sự ấy rất hiếm có rất là sâu xa rộng lớn. Dùng hai hạnh trước mà đối ý văn nay. Đối với pháp khởi thấy gọi là cái thấy bị trói buộc. Mê đối với pháp tướng gọi là chẳng thấy trói buộc. Xứng pháp mà khởi thấy thì gọi là thấy được thoát, thấy tướng chẳng thấy gọi là chẳng thấy thoát. Định có ba, ba định khác, gọi là thấy trói buộc. Mê ở ba văn và ý ba bản gọi là chẳng thấy trói buộc. Biết ba không ba đồng khác một cực gọi là thấy được thoát. Kế nghi hỏi trở đi là đặt câu hỏi giải thích nghi. Trước trong câu hỏi nêu chẳng thể nói lấy câu hỏi để chỉ người. Lý vốn không nói sao phải bày ba. Nói chung riêng là chẳng chia lớn nhỏ chỉ nói các pháp, nên gọi là chung. Dẫn sanh sanh, v.v... bốn cái khác nhau đối giáo khác nhau, nên gọi là riêng. Ngài Thân Tử đối Thiên nữ giấu chẳng thể nói. Không nói không bày viên chẳng thể nói. Lược nêu trước sau hai so sánh mà biết tức chung riêng. Chung và riêng đều chẳng thể nói, sao lại lấy ba văn mà chỉ người. Từ nhiên dẫn dẫn trở đi là lời đáp. Văn có chung hai ý sao lại chỉ dùng chẳng nói khó nói mà hỏi. Nay trong ba văn này tức là nói. Chẳng cho chấp văn tức chẳng thể nói. Vì đâu gọi riêng ba văn là nói, cho nên bác bỏ chung rằng: chỉ thấy một bên chẳng thấy cả hai. Trước dẫn Đại kinh có thể nói để đáp câu hỏi ở trước. Đây là nói chung về có thể nói. Kế dẫn Pháp Hoa vô số phương tiện tức rất có thể nói, vì năm Tỳ-kheo là hỏi có thể nói. Đây là nói riêng có thể nói. Cũng nêu trước sau, hai thứ lệ theo mà biết. Kế dẫn Đại kinh mười hai văn sửa đổi với kệ mù từ bé thật chẳng thể nói mà cũng có thể dùng bối mặt để chỉ bày. Lý chân như thật chẳng thể nói mà cũng có thể dùng bốn thứ như thường, v.v.... để nói. Nay ba chỉ quán cũng giống như thế. Tổng trì tức là không thể nghĩ bàn. Tục này văn tự cũng chẳng nói được. Tuy chẳng thể nói cũng giả văn tự tục để nói. Ấy là hai đế đều có thể nói. Chân lý không nói còn nhờ nói mà ngộ, hướng chi là tục đế mà nói chẳng nói. Cho nên có nói phải y theo hai đế. Đã dẫn văn nói để đáp chẳng nói. Dẫn Tịnh Danh v.v... dung thông hai đường. Văn trước cho rằng nói và không nói thể tánh tức nhau. Văn tự là sắc pháp, sắc pháp tức thật tướng. Thật tướng đã chẳng khác thì nói tức là không nói. Kế dẫn đại kinh. Như lai vốn không nói độn vật gọi học rộng, học rộng chẳng lìa lý, nên không nói tức là nói. Kế dẫn kinh

Tư ích cũng dung hai đường, cho nên nói thường hạnh. Kế dẫn Pháp Hoa đến thấy Phật, là nhắc lại đáng nói để ngược với câu hỏi trước. Kế dẫn đại kinh về mây sấm v.v... trong hư không, là ý nói đều cảm ứng. Trước nói nhân duyên nghĩa đó còn chung, nay lại riêng lấy thí dụ mà hiển rõ cảm ứng. Thứ tám nói ví như trong hư không sấm sét nổi mây, tất cả trên ngàn voi đều nổi vân. Không sấm sét thì chẳng nổi vân cũng không danh tự. Kinh hợp thí dụ rằng nghe giáo thường trụ thì thấy Phật tánh. Cho nên này kết rằng: lúc nào một bề không nói. Nói là ứng, nghe là cảm, hình tiếng hai luân đều có cảm ứng, nay để đáp câu hỏi nên cho là nói. Nói ngàn voi, là sở có ba giải thích một là tên của ngàn voi, hai là súc sanh là trên ngàn voi có nổi vân, ba là nói trên ngàn voi sanh cỏ hoa. Tuy ba thứ khác nhau mà đều kham ý thí dụ cảm ứng. Ngàn voi cũng sấm trời huyền đất khác, còn do sấm trời mà nổi vân, hướng chi là thánh nói bị vật tương xứng với cơ mà vô ích ư? Hư không là pháp thân, sấm sét là nói pháp, nổi mây là hiện thân ngàn voi là cơ duyên, nổi vân là được ích lợi. Nghĩa là có bốn ích lợi như quán hạnh, v.v... khác nhau. Kế từ nếu còn cho đến Vô gián là nói ý pháp, có pháp thì hợp văn đầu nói pháp như trên đã dẫn hai đường giúp nhau không được tranh nhau mà sanh, tránh hỏi han. Đây là nói mất lý do vì tranh chấp. Kế là nói trở đi là bày lý chẳng nói. Tuy nói không nói nhưng phải có chỗ nương. Kế đại bi trở đi là chánh nói ý nói một là vì phạm sư đại bi mà lợi ích chúng sanh cho nên nói, hai là vì chúng sanh hoặc nặng căn độn nên phải nói. Đã chẳng gặp thánh thì y phạm mà dựa theo giáo. Vì tâm đại bi khiến trước mà nói. Kế như nguyệt trở đi là nêu thí dụ: mặt trăng tánh chân thường ẩn núi phiền não. Phiền não chẳng phải một, nên gọi là nặng. Gió giáo viên âm dứt hóa về tịch. Lý tịch vô ngại cũng như thái hư. Bốn y hoàng giáo như động cây nổi quạt. Cho nên giả ba văn mà bày lý chân thường. Lý chẳng thể bày. Năng lực đại bi huân nhân văn mà so biết, biết gió biết trăng. Thuyết văn nói trăng là thiếu vì có đầy có vơi nên gọi là thiếu, cho nên lấy làm thí lý có nửa có đầy, Quảng nhã nói gương trăng, quạt trăng. Kế từ người nay trở đi là hợp. Diệt rồi bảm giáo nên nói người thời nay. Thân lãnh thừa Phạm âm, dùng tuệ nội chiếu nên nói là huyền lãm. Người nay ý độn, chẳng phải nay huyền chiếu mà biết cho nên nói sẽ khó. Giả văn giúp ý, văn có chỗ cứ sai ý chẳng lầm nên nói là dễ. Từ nhược phong văn trở đi là sai phá phong tình thâm (đoạt) văn thành quán. Nếu chấp văn sanh lỗi thì lấy văn làm cảnh văn tức là pháp giới sao lại có gió. Biết văn chẳng phải văn là quán không, thấu tất cả văn là quán giả, chẳng phải văn hay chẳng văn là quán trung. Quán

được văn này ba trí đầy đủ, cho nên nói được tất cả hiểu. Kết vi thứ trở đi là kết chung câu hỏi ở trước. Ba thứ chung là môn thật tướng. Thật tướng là một, ba văn giúp thấu đạt nên ba tức là môn thấu đạt một. Vì sao hỏi rằng đều chẳng thể nói. Đã nói lược duyên khởi, là Chương An viết tựa xong tự kết.

Kế Kim đương trở đi là nói Chánh thuyết, mở thành mười chương. Nay ở đây đại tiểu đều thành chương, lại từ đoạn lớn nên lược mở mười, mỗi đoạn đều là chỉ quán. Chỉ quán đại ý cho đến thứ mười chỉ quán chỉ qui, nói thì đều phải dùng chỉ quán mà tiêu. Mười là trở đi là nói ý dùng mười số. Nói số là phương, phương cũng là pháp. Như trong Hoa Nghiêm, các pháp môn đều lấy mười làm số. Kế nói mười chương công năng. Thủy thì nêu hẹn tại trà v.v... Thủy là đại ý, trà là nghĩa rất ráo cho nên Tứ Thập Nhị Tự chép: Vào các pháp biên cảnh xứ chẳng thật có cho nên chẳng chung chẳng sanh, quá trà thì không có chữ để nói. Đại luận quyển năm mươi ba giải thích rằng: đời Tần dịch là Tất. Nếu nghe chữ Trà thì biết các pháp đều (Tất) chẳng thật có. Nếu lại có thì là chi nhánh của chữ Trà. Ấy là đại ý đã nêu Tông cực. Tiêu là chương đầu, kỳ là khắc chung (ở cuối). Vì sao? đại ý năm lược: trước phát đại tâm hẹn tâm đại xứ, đại xứ chỉ quy về ba đức. Ba đức là nghĩa Trà rất ráo. Chung nghĩa là chỉ qui. Chỉ qui ba đức tức là tự tha muôn hạnh chỗ đến, nên nói là chí cực. Thiện thủy, v.v... là sai cũng thiện. Thủy là đại ý, chung chỉ qui. Tự tha thì chung tu chứng pháp mâu, đều ở trong mười chương này. Cho đến bảy thiện đều ở trong đó. Trước giải thích nghĩa sanh khởi. Sanh khởi chỉ là thứ lớp, kế chí lý trở đi là nói chung riêng. Lý vốn vô sanh, cũng không có chủ thể. Vì có việc tự tha nhân quả nên gọi là nhân duyên. Giải thích có chung riêng, chung là mỗi chương đều có hai nghĩa sanh khởi, riêng là sanh ở chương trước, tức là năng sanh ra sau. Khởi ở chương sau nghĩa là sau từ trước khởi. Lý do, v.v... là giải thích có hai tên. Gọi sanh khởi cũng gọi là duyên do thứ thứ. Nghĩa là chương trước là lý do của chương sau, chương sau là thứ thứ của mỗi chương đều là chuyên do thứ thứ, đồng nghĩa với sanh khởi nên nói cũng giống như thế. Cho nên Bà-sa hỏi sanh khởi có gì khác? Đáp: hai nghĩa đồng là pháp hữu vi nên không có khác nhau. Nếu làm riêng thì sanh là nhân, khởi là quả. Như từ nhân sanh quả, quả lại làm nhân mà sanh quả sau. Cho nên đại ý này tuy ở đầu tiên, cũng do không rõ vô minh làm nhân, đời này hiểu biết nên nói là khai giác. Đầu từ phát tâm, cuối là đại xứ, ý ở khai giác. Phải biết Bà-sa chung khác với nay. Sở dĩ trở đi là nói tướng sanh khởi. Do đại ý mà biết tên chỉ quán. Đã khai giác rồi chẳng còn cầu Niết-bàn

thiên tiểu gọi là bất lưu động, lại chỉ bị hoặc làm nhiễm gọi là Đại tịnh. Bất động gọi là Chỉ, đại tịnh gọi là Quán. Tên này chung cho nhân quả của tự tha. Cho nên chẳng nói nó cạn sâu. Danh là năng thuyên, thể là sở thuyên, do danh này nên biết có sở thuyên cho nên danh là đắc, không phải gọi chứng đắc. Thể là nhiếp pháp. Thể là thật tướng. Thật bao gồm quyền. Cho nên quyền thật nhiếp tất cả pháp, quyền thật sở nhiếp chẳng ngoài thiên viên. Cho nên dùng thiên viên để phán quyền thật, văn khác rất dễ biết. Tuy sanh khởi mười chương, văn lại ở y giải khởi hạnh. Cho nên ba chương sau lược mà chẳng giải thích v.v... Kế kỳ (chỉ) vi trở đi là kết ý sanh khởi, dùng mười chương này mà sanh khởi. Chỉ là chẳng đạt chân thật không sanh khởi. Cho nên nói mười chương sanh khởi chỉ qui, tuy là không sanh không khởi cũng từ sanh khởi đến không sanh khởi. Cho nên không sanh khởi từ chín chương sanh. Nên văn trước nói chung là sanh khởi. Nếu kế lý rồi thì không có mười chương. Chỉ qui còn mất hướng chỉ là chín trước, cho nên chỗ tâm hành diệt v.v... Lại chẳng phải chỉ do có sanh khởi mà được không sanh khởi. Cũng do không sanh mà được có sanh, như kế bí tạng ứng khắp pháp giới. Kế phân biệt trước từ chân tục, cuối đến dọc ngang. Lược dùng mười môn để phân biệt mười chương. Trước nói mười chương công đức v.v... là nói ý phân biệt, nếu không có mười môn phân biệt mười chương thì sợ người chẳng biết mười chương dồi dào. Như báu ở trong túi, v.v... là ý thí dụ phân biệt. Nghĩa mười ý giàu như trong túi có vật báu. Các môn phân biệt như chỉ bày cho người. Đại luận quyển sáu mươi lăm chép: nếu không chấp tướng để không dính tâm, nói có chín thứ, sai người khác đọc giữ, chánh tâm nghĩ nhớ: một là chiếu liễu, là chẳng biết sai biết; Hai là mở ra như mở kho báu tùy ý lấy dùng; Ba là (chỉ bày) như thấy chẳng sáng, chỉ bày tốt xấu. Tiểu thừa mất trí chẳng sáng thì chỉ bày đạo và chẳng phải đạo; Bốn là phân biệt, tức là thể và xuất thế; Năm là hiển bày, hoặc khi phá bỏ thiện mà giúp bất thiện, quí ở chỗ sai chúng sanh được hiểu rõ; Sáu là nói pháp, là nói ý thú của Phật; Bảy là giải thích như trong túi có vật báu mà người chẳng biết. Nên phải mở túi kinh Phật để giải thích đạo lý; Tám là bỏ nặng sai nhẹ, các thứ thí dụ giúp cho dễ hiểu; Chín là cạn dễ, như nước khó lội qua phải sai dễ qua. Nước Bát-nhã sâu làm cho cạn dễ. Văn nay dắt dẫn thăm túi một văn, ý đều chứa đủ tám nghĩa kia, nói là phải giải thích cả tám ý. Kế phải giải thích phân biệt, trước từ mười chương nay trở đi, là trưng bày, kế từ tám chương đầu trở đi là đáp giải thích. Trong giải thích nói ngay nơi tục là chân, v.v... là phải nói bảy thứ trước đến thứ chín. Từ

nhiều theo tiện nên nói tám thứ đầu, tám không phải là chân chứng nên gọi là Tục. Ngay nơi tục này thể tánh là chân, nên nói ngay nơi tục là chân. Quả báo chiêu cảm là giới ngoại tục. Tục do chân chứng, chứng thể khởi dụng, dụng ngay nơi là tục, cho nên nói ngay nơi chân là tục. Quán là thánh pháp, y pháp vào quán. Cho nên nói sự im lặng của bậc Thánh. Nghĩa chung trụ tiền tất cả phàm phu. Chánh quán một phần là định, v.v... Hoặc nói chỉ quán ở nghĩa thật không song cùng nêu chương danh mục không tiện. Trước nêu chương nói chánh tu chỉ quán nay lược tu chỉ, chỉ nói chánh quán, chánh tu chẳng ngoài hai pháp chỉ quán có chỉ thì thuộc định, có quán thì thuộc tuệ. Tuệ gồm các chương kia, trong các chương kia nếu y cứ về giải thì đều là nghĩa, chỉ thuộc về giải, giải tức thuộc về quán. Quả báo ở đây nên thuộc về giải. Quả báo thuộc quả vẫn thiếu là mục, là cũng tùy lời tiện, theo lý giải nói năm chương trước và khởi giáo là mục, mục thì thuộc về giải, năm chương trước chỉ cho tự hạnh, khởi giáo một chương sai chỉ cho tha sanh. Phương tiện đến quả báo là đủ. Đủ là thí ở hạnh, phương tiện chánh quán có công dụng hạnh. Quả báo vị ở Sơ trụ trở lên không có công dụng hạnh. Tự nhiên tác ý, dù ít khác nhau, đồng thuộc ở hạnh. Nếu y theo quyển năm ở trước nói sáu lớp trước là giải, ấy là phương tiện cũng thuộc về giải. Nay dùng phương tiện được làm hạnh đầu, lại xếp thuộc về hạnh. Đại ý đến chánh quán là cộng, v.v... là vị tuy ở phàm, nhưng nghĩa chung cạn sâu nên gọi là sông. Vì từ Sơ trụ đến Đẳng giác cũng gọi là chánh quán từ thẳng mà đặt tên, vì là quả báo và khởi giáo v.v... nên hai thứ này chẳng chung với hạ phàm. Chỉ ở thánh vị nên gọi là bất cộng. Nói chung riêng, chung là chung ở nhân quả mình người, riêng là riêng ở tám chương khác nhau. Nói dọc ngang là thể tướng một chương chánh nói về cạn sâu nên gọi là dọc, tám chương kia so thể một lần là ngang, hương vị nói rõ đều là đồng khác. Chỉ có thích danh một mục là ngang còn các thứ kia thì gồm cả ngang dọc. Như đại ý mỗi lần thì ngang, nếu dùng phát âm mà so quả báo há chẳng phải là dọc sao? Nhiếp pháp sáu môn, mỗi môn so nhau thì là ngang, đương môn vẫn dọc. Phương tiện năm khoa, mỗi khoa so sánh nhau cũng được gọi là dọc, đương khoa vẫn ngang. Như trước đủ duyên kế mới trách dục (muốn). Muốn vào chánh quán phải bỏ cái màng che, cái lui thì đạo tiến tùy bệnh mà chữa trị. Tuy có đủ bốn khoa phải cần năm pháp. Y cứ thứ lớp này nên gọi là dọc. Mỗi trong năm như áo so cơm dùng sắc so tiếng đều không cạn sâu. Các khoa khác cũng Cho nên không gọi dọc. Chánh quán một lần tuy gọi là ngang, bắt đầu từ năm phẩm, cuối cùng ở sáu căn, chung thuộc chánh quán là nghĩa ở

dọc. Quả báo đương vi thì tức là ngang. Đầu từ sơ trụ, cuối đến Đẳng giác, đây thì là dọc. Khởi giáo một chương khắp bày lưới giáo, tùy duyên năm vị quá hiện mà vào thì gọi là ngang. Trải qua năm vị quá hiện mà vào thì gọi là dọc kế phân biệt, trước trong hỏi nói lược mà chỉ, v.v... nếu lấy văn này là Đại sư phân biệt, chẳng phải lấy Thương lược mà làm (vì) lược chỉ, vì Thương lược này thuộc tựa Chương An. Vì đối Đại sư Chương đầu đại ý là phân biệt, nghĩa là rất bất tiện hướng chi văn trong Thương lược không có bất định. Cho nên văn ấy chép: lược nói kinh Phật thô bày ý viên. Kế dẫn Vô Lượng Nghĩa để nói về tiệm thứ. Nói tiệm thứ xong liền nói nay bỏ tiệm nói đốn cùng đáp văn dưới chép: Riêng thì lược chỉ ba môn nghĩa lại chẳng tiện. Nay nói trong văn tuy không có lời miệng nói, đây là Chương An phân biệt riêng, tức chỉ biện sai lược giải thích ba môn để làm câu hỏi này. Tuy ở trong tựa nghĩa gồm cả chánh. Cho nên bản thứ nhất chưa có văn tựa, cùng ở văn mà trước nêu ba chỉ quán, và trong đại ý các văn phần nhiều dùng ba chỉ quán mà kết. Bản hai trước nêu lý do, tức là tựa trước do thầy trò truyền nhau. Chương An soạn tựa hợp với soạn tựa, cho nên trong phân biệt đối nhau làm câu hỏi. Cho nên hỏi ba lược đồng khác thế nào với đại ý này? Đáp: có chung riêng. Chung thì lược là một với đại ý. Như trong phân biệt nói đại ý lược, tám thứ kia là rộng. Riêng thì chẳng phải như thế. Lược thì ba thứ chỉ, quán khác nhau, đại ý chỉ nói viên đốn chỉ quán, một trong ba thứ nên nói viên đốn chỉ quán, một trong ba thứ nên nói một đốn, chớ bảo ngoài ba riêng. Nếu lập riêng thì có nhiều ngại, một là thành Thiên Thai chẳng bảm Nam Nhạc; hai là đại ý cùng tám chương thành riêng. Đại ý nhìn tám chỉ có rộng hẹp, chẳng phải là riêng; ba là đương văn tự tương trái ngại; bốn để bốn hoàng mười thứ phát tâm chỉ cy cứ bốn giáo vì sao ngoài ba lập một riêng. Nếu đại ý một đốn ở các, vì sao thích danh được có dứt đối đãi viên y ba đức. Trong hiển thể chẳng dạy thứ lớp nhân trí cảnh giới không thể nghĩ bàn đắc. Thiên viên năm chương, mỗi chương lập hai mươi lăm pháp đốn, mỗi pháp viên giải. Mười cảnh chánh quán đều không thể nghĩ bàn. Vô duyên từ bi, an tâm pháp tánh, chẳng có thứ lớp mà phá một thông bát, đạo phẩm vô tác chánh trợ cùng làm. Lìa ái thì không mê đắm vị lên Sơ địa. Như các văn đó đều nói về đốn vì sao lại gọi là Tiệm ư? Nếu nói đại ý chỉ là một đốn, vì sao trong văn lại nói bốn giáo, đủ như văn bốn hoàng phân biệt sau. Kế các câu hỏi sau đều là phân biệt sở Đại sư truyền. Trước trong hỏi nói y cứ giáo luận như hiển, v.v... vì ba quán cùng ba giáo trong tám giáo tên đồng. Bốn giáo như tạng v.v... thuộc về Tiệm, trừ tạng đẳng bốn chỉ đốn đẳng bốn. Cho

nên chỉ dùng Mật giáo đối hỏi ba thứ kia, giáo của ba quán đã là Hiển giáo, Hiển mật đều dạy đều có thể tu quán, cùng phải y cứ bí mà tu Mật quán ư? Cho nên người đọc đến đây phải biết đốn, v.v... ba quán cùng đốn trong tám giáo đều là ba thứ khác nhau. Vì tám giáo kia chỉ ở bốn thời giáo như nhũ, v.v.... Nay ba văn này đều duyên theo lý viên. Đáp: ý chia hai nay chẳng luận mật kế hỏi: chia hiển mật khâu như vừa luận cho nên nói chia môn có thể như thế. Theo lời tôi hỏi phải luận mật quán có được hay chẳng? Kế trong đáp trước lập hai môn là được, chẳng được. Kế từ giáo trở đi là chánh đáp, trước chánh y cứ hóa chủ mà nói về được, chẳng được mật thuộc về bậc Thánh, thánh hay song ích. Nay luận phàm sư cho nên thiếu mật, vì thế người tu quán, không có nghĩa. Cho nên nói người nghe nhờ đâu mà làm quán. Kế hoặc lập trở đi là nghĩa lập ở được. Vị tuy ở phàm, phàm sư có nhiều thứ, năm phẩm trở xuống đều gọi là chẳng được, sáu căn tịnh vì tuy không có ích ba luân khâu mật, nhưng có thể truyền âm mâu cùng khắp Đại thiên giới. Chẳng hỏi về Phật hóa nên nói năng truyền, người bảm giáo vẫn không thâm được lợi ích. Kế từ nếu người tu quán trở đi là y cứ sở hóa mà nói được, chẳng được. Trước nói chẳng được nên nói phát chỗ tu hiển. Hiển là ba chỉ quán như đốn v.v.... Người bảm giáo, chẳng được tu mật nên nói chẳng phát người chẳng tu, hưởng chi cái mà Mật giáo giải thích đồng hiển, thì không có nghĩa lập riêng tu Mật quán, nếu nói chẳng tu. Kế phát túc tập trở đi, là y cứ nghĩa sở hóa mà lập. Như tu sanh diệt mà phát vô tác, hiển bày bất định giống như Mật bất định. Nghĩa lập Mật quán nên nói được luận. Hỏi trước cạn sau sâu là tiệm gồm chung mà luận. Thiện ác cho đến đạt thường trụ lại được gọi chung là tiệm. Đáp là bất định. Lý sâu sự cạn y cứ bốn tất mà nói, cũng có thể y cứ tiệm xoay vần so nhau cùng là sâu cạn. Hỏi: Tiểu thừa cũng là v.v... là lại hỏi đáp trước. Tiểu thừa cũng là Như lai trước nói ý gì mà cho là chẳng phải. Trong đây có hai lớp ý hỏi: một là hỏi đại tiểu đều là Phật nói vì đâu riêng nói ba là chẳng phải tiểu, hai là tiệm của đại, ba đã nói là tiểu, đâu riêng chẳng phải ý đáp là tiểu có hai nghĩa. Nếu y cứ giáo đạo cũng là cách xa, cho nên nói chẳng phải. Pháp ở tiệm sơ người vốn biết là đại, từ vi đến trừ còn nhiếp trời người, y cứ xích cướp lời vì tiểu là chẳng phải. Cứ vào chưa khai quyền mà chẳng biết thật. Cho nên trong tiệm cho đến mảy may điều thiện đều thuộc về đại. Cho nên được gọi là từ Vi đến trừ. Hỏi: bày ba văn giả Đẳng giác. Hỏi trong chỗ bày cho bày ba văn, ba văn này là gì? Trước song định, sắc là môn ấy, sắc là chẳng phải môn. Nếu môn ấy trở đi là song nạn (hai câu hỏi). Trước hỏi môn

ấy, môn gọi là năng chung, thất tướng thành sở, sao gọi là Môn. Nếu chẳng phải môn trở đi là kể hỏi chẳng phải môn sắc gọi Trung đạo, đạo gọi năng thông, năng thông tức là môn sao gọi chẳng phải môn. Kế ý trong văn đáp là sắc pháp, sắc cũng là thật tướng. Nếu văn là môn, môn là pháp giới, pháp giới tức thật nên nói đều là. Từ chúng sanh nhiều diên đảo trở đi là giải thích lý do của môn. Vì văn là sắc làm môn năng thông. Chỉ vì chúng sanh mê thật tướng nên gọi văn là môn. Ở văn thấy lý nên văn tức thật tướng, đâu có năng sở. Cho nên xét văn và môn thì đều là ba đế. Văn tức tục đế chẳng phải văn tức thật cả hai đều chẳng đúng, tức là Đệ nhất nghĩa đế. Quán môn làm ba so sánh sẽ thấy. Như thế khi quán văn và môn đâu khác, đều gọi năng thông, đều là sở chí (chỗ đến). Nói diên đảo, diên tức là đánh, đánh ngã xuống nên gọi là diên đảo. Kế nói gồm là kết, là lấp, đóng cửa lại. Túi có quát kết thâu ở một túi, chương có đại ý nắm hết đầu cuối. Thích Danh là đầu, chỉ qui là cuối. Cho nên biết đại ý như túi có nắp đưng đây kết thúc mười chương. Quán đãi trước sau quan là đầu, đãi là sau. Đại ý có phát tâm nên quán đầu. Đại ý có chỉ qui nên đãi sau. Đãi thông suốt trước sau nên nói ý chậm. Có người chép: quán tượng ở trời, đãi tượng ở đất. Chương đại ý này cũng như khoảng trời đất che chở, nếu làm giải thích này thì phải đổi chữ Đãi. Nay từ trước giải thích nên chẳng cần đổi. Năm chín rộng dưới xem là năm lược. Bày ý chỉ chín chương, nên nói đại ý, cho nên năm lược này đều lấy đại làm tên. Trước giải thích chung, sau giải thích riêng. Hoặc chung hoặc riêng đều dụ cho nang quát. Trong sanh khởi nói làm sao đến hạ hóa là năm chương, tuy là phát tâm đứng đầu, cũng duyên chúng sanh mà làm thế cảnh. Tối tăm diên đảo chẳng tự thấy biết. Bồ-tát khuyên bỏ nên nói sai ngộ, làm sao đến Tam-muội, là tuy lại hẹn tâm năm trăm do tuần nhìn đường báu mà chẳng chịu tiến đến, cho nên khuyên thực hành bốn thứ Tam-muội. Vì sao đến tâm ấy, là phát tâm chẳng chỉ cầu quả báo thật, vô minh hết rồi thì quả này tự được. Vì người phát tâm tình nhiều muội chỉ? Cho nên nói quả báo mà làm vui, vì giúp người sơ tâm thêm cố gắng. Cho nên Đại kinh quyển hai, Thuần -đà hỏi Văn-thù làm bản nữ thí dụ rằng: thí như cô gái nghèo không có nhà và ai cứu giúp lại thêm bệnh tật đói khát ép ngặt, đi khắp nơi xin ăn, ngủ tạm nhà người mà sanh một đứa con, lại bị chủ nhà đuổi đi, bị muỗi mòng, ong độc cắn chích. Khi đến bờ sông ôm con lội qua, do đó mẹ con cùng chết. Như thế cô gái nhờ niệm công đức ấy chết rồi được sanh cõi trời Phạm thiên. Tuy chẳng cầu Phạm thiên mà Phạm thiên tự ứng. Chương An giải thích rằng như là dụ vô duyên. Từ, sanh

con là đệ tử viên giải, luận trước sau phải đủ sáu từ. Sanh lên trời tức là phần chân rốt ráo từ Chương An chung lấy từ, v.v... mà đối. Nếu theo ý của Đại kinh ấy, thì mỗi tế hợp thì không có công đức pháp tài nên gọi là nghèo. Lý từ nhu hòa nên gọi là gái, chưa khế thật lý nên nói không nhà ở, chưa có muôn hạnh nên gọi không ai cứu giúp, đầy đủ tám khổ nên nói bịnh khổ lại không có định tuệ nên nói đói khát bức ngặt, năm tuần cầu giải nên gọi đi khắp nơi xin ăn phương tiện mà giải khỏi, gọi là ở nhờ nhà người. Nhân phát viên giải gọi là sanh nhờ. Quyền chẳng nhận thật là đui đi, cũng có đủ hoặc kiến tư gọi là ruồi muỗi cắn, trải qua hai chết gọi là đến bờ sông Hằng, chẳng bỏ viên giải gọi là ắm con lội qua. Khi chân giải sanh giống như giải mất trước gọi là đều chết nương năng lực bản giải gọi là Từ công đức. Chân chứng khai phát gọi là sanh Phạm Thiên. Nói báu Diệu là đường chung bắt đầu từ Sơ trụ. Cũng có chúng sanh chẳng nghe báu diệu công đức gọi là uổng chân mất công ấy, nên nói báu diệu mà an ủi cho vui. Thế nào là xé toang lưới, lớn thoát ra khỏi lồng? Phá là xé rách. Đã cảm quả báo nếu dạy lợi người phá lưới nghi người khác, tuy vốn là mở mắt trí cho chúng sanh, nhưng thật là cơ chưa hiển bày. Như trước kinh Pháp Hoa, chúng sanh đối với giáo quyền thật, không hữu, sự lý mê mờ lẫn nhau. Nếu đã phán khai quyền bày thật sai quyền thật chẳng lạm, khiến biết bản ý của giáo. Phá lưới nghi chấp giáo thấu suốt không ngoài lý một, hiểu đại thể pháp môn, biết các giáo có chỗ về, nghe tuyệt nghĩa là hạnh đến động là dẫn chứng người chấp giáo mê chỉ, cho nên Đại kinh quyền mười ba chép: Ở trong Phật pháp trộm lấy phần ít luống đối chấp có thường lạc ngã tịnh. Như người mù từ mới sanh chẳng biết màu sữa. Liền hỏi người rằng sữa giống như cái gì? Người đáp: Màu trắng như vỏ ốc. Người mù lại hỏi: Màu sữa có như tiếng vỏ ốc chẳng? Đáp: không phải. Lại hỏi giống như cái gì? Đáp như bột gạo. Người mù lại hỏi như bột gạo mềm chẳng? Đáp: không phải. Người mù lại hỏi: bột gạo giống như cái gì? Đáp: như tuyết. Lại hỏi có như tuyết lạnh chẳng? Đáp: không. Lại hỏi giống như cái gì? Đáp: như con hạc. Lại hỏi giống như hạc động chẳng? Đáp: không. Người mù tuy nghe bốn lần nói như thế nhưng trong không thể thấy được màu thật của sữa. Ngoại đạo cũng thế, tuy nghe bốn tên mà không thể biết thường lạc ngã tịnh, nói chỗ sở qui. Như người mù kia mê nên không biết màu sữa thật. Nay người không biết giáo so đây mà biết. Nay dung thông v.v... là lý vốn không nói, nói sẽ bị cơ. Bốn tất, bốn môn các quán các đế, thích thời lợi vật chẳng bằng thông phương. Liền chấp một ngưng tình chấp chưa phá. Nay vì

dung hội trùng nghi đáp nhiên (lại càng nghi), như bị chim nhốt, trong lòng không thỏa thích, tháo kết chấp trệ, mở lồng quyền giáo, như đạo cỡi thái hư dẫu rộng mà vô ngại, khiến mù có trí, dẫu chưa biết sữa, lại chẳng chấp vỏ ốc v.v... mà tranh cãi. Làm sao về đại xứ đến tự tại, là hóa vật đã khắp về với Bí tạng. Thể của Bí tạng không có đầu cuối. Không đầu mà đầu, đầu tu ba quán, không cuối mà cuối, cuối đến ba đức, không bít mà bít giả gọi ba chương, không thông mà thông giả gọi ba đức. Văn trước là lý pháp. Nếu biết rồi trở đi là tu đắc. Nếu được ý này đâu chỉ đến quả tự tại vô ngại? Nhân thời thể mà hiểu đầu cuối chẳng hai. Vì nói đại ý nên bàn chung. Ý văn chỉ tại hai lược trước. Sanh khởi năm lược hiển mười rộng là đối hiển.

Sanh khởi năm lược bày mười thứ lớp. Dù nói, năm mươi chẳng ngoài tự hành nhân quả hóa tha năng sở.